TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 01 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 431/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PHĐ, xã PT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: số nhà 261, khu phố 5, ấp LH, xã LH1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

* <u>*Bị đơn*</u>: Anh Trần Minh P, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PHĐ, xã PT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị H và anh P có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 22/07/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian vợ chồng hạnh P được khoảng 04 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải. Năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, chị H yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc Trúc Q, sinh ngày 03/8/2016 đang sống chung với anh P và Trần Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 12/07/2018, hiện đang sống với chị H. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Minh P đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Anh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Nguyễn Thị H quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Minh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P. Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị H và anh P cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh P. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị H và anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh P.

[4]. Về con chung: Chị H và anh P có Trần Ngọc Trúc Q, sinh ngày 03/8/2016 đang sống chung với anh P và Trần Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 12/07/2018 hiện sống chung với chị H.

Chị H tự nguyện giao con chung Trần Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 12/7/2018 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của cháu Quỳnh T và Trúc Q nên Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh T và Trúc Q cho anh P trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản thể hiện việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Minh P.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Trần Ngọc Trúc Q, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 12/07/2018 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản thể hiện việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị H nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số No 0011048 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Chị H và anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử P thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Chi